

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị
Giang Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6477/SXD-QH ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Giang Quang, huyện Thiệu Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Thiệu Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Giang Quang, huyện Thiệu Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới

Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Thiệu Giang, xã Thiệu Quang và một phần diện tích xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, có giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa;
- Phía Tây giáp xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa;
- Phía Nam giáp các xã Thiệu Duy, Thiệu Hợp, Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa;
- Phía Bắc giáp các xã Định Thành, Định Công, huyện Yên Định.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.910 ha (trong đó bao gồm: xã Thiệu Giang 751 ha; xã Thiệu Quang 685,5 ha và một phần diện tích xã Thiệu Duy 473,5ha).

2. Tính chất đô thị

Là trung tâm kinh tế, xã hội khu vực Đông Bắc huyện Thiệu Hóa và khu vực phụ cận với các chức năng: công nghiệp, dịch vụ thương mại và đầu mối giao thông quan trọng của huyện.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến về đất đai và hạ tầng kỹ thuật

3.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 15.218 người (gồm xã Thiệu Giang: 6.250 người, xã Thiệu Quang: 4.935 người và một phần dân số xã Thiệu Duy là khoảng 4.033 người).
- Dự báo dân số đến năm 2030: khoảng 25.000 người.
- Dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 40.000 người.
- Dân số tăng thêm đến năm 2045 khoảng: 24.782 người.

3.2. Dự báo quy mô đất đai:

Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án theo tiêu chuẩn đô thị loại V.

* Đất xây dựng đô thị khoảng: $948 \div 1168$ ha; trong đó:

- Đất dân dụng hiện trạng khoảng 318ha (gồm xã Thiệu Giang: 128ha, xã Thiệu Quang: 120ha và một phần xã Thiệu Duy là khoảng 70ha).

- Đất dân dụng quy hoạch mới khoảng $280 \div 400$ ha ($70 \div 100\text{m}^2/\text{người}$), bao gồm:

+ Đất đơn vị ở phát triển mới;

+ Đất công trình dịch vụ, công cộng đô thị;

+ Đất trường học;

+ Đất cây xanh đô thị;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đất ngoài dân dụng khoảng $350 \div 450$ ha, bao gồm:

- Đất cơ quan (không thuộc đô thị quản lý), trung tâm y tế và các trung tâm nghiên cứu đào tạo;

- Đất du lịch, tôn giáo, tín ngưỡng;

- Đất giao thông đối ngoại;

- Đất công nghiệp;

- Đất nghĩa trang, công trình đầu môi HTKT;

- Đất an ninh quốc phòng;

- Đất cây xanh (cây xanh chuyên đề, cách ly, thể dục thể thao);

(Dự báo quy mô dân số và đất xây dựng đô thị sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch, có áp dụng các tiêu chí đặc thù của đô thị).

3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Áp dụng cho đô thị loại V

- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị: $70 \div 100\text{m}^2/\text{người}$;

- Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: $45 \div 55\text{m}^2/\text{người}$;

- Đất cây xanh đô thị: $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

3.4. Chỉ tiêu sử dụng công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị:

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường trung học phổ thông	học sinh/1000 người	40	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
2. Bệnh viện đa khoa	giường/1000 người	4	m ² /giường bệnh	100
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
3. Sân thể thao cơ bản			m ² /người	0,6
			ha/công trình	1,0
4. Sân vận động			m ² /người	0,8
			ha/công trình	2,5
5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m ² /người	0,8
			ha/công trình	3,0
6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1000 người	8	ha/công trình	0,5
7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1000 người	2	ha/công trình	1,0
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0

3.5. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo tiêu chí của đô thị loại V có xem xét, áp dụng thêm các tiêu chí đặc thù khác.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy hoạch	
			2030	2045
a	Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) so với đất xây dựng đô thị tối thiểu			
-	Tính đến đường liên khu vực	%	6	6
-	Tính đến đường khu vực	%	13	13
-	Tính đến đường phân khu vực	%	18	18
-	Chỉ tiêu bãi đỗ xe toàn đô thị	m ² /người	2,5	2,5
b	Cấp nước sinh hoạt (Qsh) tối thiểu	Lít/ng.ngđ	80	80
-	Cấp nước công nghiệp tập trung tối thiểu	m ³ /ha.ngđ	20	20
-	Cấp nước dịch vụ, công cộng	%	10%Qsh	10%Qsh

c	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	%	≥80	≥90
	Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp (xử lý riêng)	%	100	100
d	Lượng thải chất thải rắn phát sinh			
	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ng/ngày	0,8	0,8
	Chất thải rắn công nghiệp	tấn/ha	0,3	0,3
	Tỉ lệ thu gom chất thải rắn	%	≥90	≥95
e	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	1000	1000
	Cấp điện công nghiệp	KW/ha	140-250	140-250

4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Phân tích đánh giá vai trò, vị thế của đô thị Giang Quang trong mối quan hệ vùng, các yếu tố vùng có tác động đến đô thị, làm rõ vai trò của đô thị Giang Quang trong mối quan hệ vùng huyện Thiệu Hóa và vùng phụ cận.

- Đánh giá tổng quan về hiện trạng khu vực quy hoạch. Nhận diện các nét đặc trưng về hình thái, cấu trúc, đặc điểm phân bố dân cư, cảnh quan, các yếu tố tác động đến sự phát triển của đô thị.

- Phân tích làm rõ cơ sở hình thành đô thị, đánh giá các tiềm năng, động lực tiền đề phát triển đô thị, Đánh giá các khu vực có thể khai thác và phát huy thành động lực để phát triển đô thị như: khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam dự kiến có bố trí nút giao nhập luồng tại khu vực này.

- Có phương án cải tạo các khu vực hiện có từ khu vực nông thôn thành khu vực đô thị về kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, giải pháp tổ chức không gian cho khu vực phát triển mới đảm bảo hài hòa không gian tổng thể của đô thị.

- Nghiên cứu cấu trúc đô thị cho phù hợp khi tổ chức không gian cho khu vực các xã riêng biệt thành phát triển thành một đô thị hoàn chỉnh, giải quyết các vấn đề về khớp nối giữa các khu vực, liên kết giữa các khu chức năng.

- Giải quyết các bất cập về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống điện cao thế 500kv, 200kv dự kiến đi qua khu vực lập quy hoạch và hạ tầng giao thông hiện có, nghiên cứu mở thêm các hướng kết nối Tây Nam – Đông Bắc để có sự liên kết với khu vực thị trấn Thiệu Hóa.

5. Các yêu cầu nghiên cứu chủ yếu

5.1. Yêu cầu điều tra khảo sát, địa hình:

- Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước.
- Hồ sơ khảo sát địa hình phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội.

5.2. Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo.

- Đánh giá về điều kiện tự nhiên: địa hình, thủy văn, thủy lợi, đê điều...

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị.

5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và đánh giá môi trường chiến lược:

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị:

- Nghiên cứu khai thác, kết nối với các hạ tầng kỹ thuật đầu mối như: đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường tuyến đường động lực Hoàng Kim (QL.1) - Thiệu Long (QL.45) nhằm tạo sự liên kết với các đô thị và hệ thống hạ tầng khung xung quanh, mở ra hướng phát triển mới cho đô thị.

- Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; nghiên cứu ổn định tối đa, đồng thời cải tạo, chỉnh

trang từng bước nâng cấp hệ thống HTXH, HTKT các khu vực dân cư hiện hữu; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; nghiên cứu các khu chuyển đổi chức năng, các khu quy hoạch xây dựng mới, các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển đô thị với tiêu chuẩn đô thị loại V trở lên;

- Xác định các yếu tố tạo thị, động lực phát triển, các trục không gian phát triển chính để tổ chức các khu vực chức năng của đô thị đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.

- Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch; Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân cư, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình;

b) Yêu cầu về bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử:

- Rà soát, đánh giá và có định hướng các khu vực có danh lam thắng cảnh cần bảo tồn - kết hợp di tích lịch sử trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đối với các di sản, di tích đã xếp hạng các cấp phải tiến hành xác định diện tích khoanh vùng bảo vệ theo Biên bản và Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích để thực hiện cấm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa

- Các di tích lịch sử văn hoá cần cập nhật và có những đề xuất mới về quy mô, diện tích cũng như xây chuỗi phát huy giá trị các di tích; có chiến lược phát huy, phát triển trọng điểm biến những di tích, tài sản văn hóa trở thành tiềm lực phục vụ phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch.

- Việc bảo vệ hệ thống tự nhiên, sinh thái cần được phát huy đồng thời như là hệ thống hạ tầng xanh đô thị; định hướng cải tạo, phát triển cảnh quan bằng cách tạo ra thêm những vùng nước mặt, kết nối mặt nước, trồng cây xanh cho đô thị.

c) Yêu cầu về công trình hạ tầng xã hội đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu về phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị; xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và trục giao thông chính đô thị.

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông như: xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuyen kỹ thuật. Nút giao và hành lang tuyen cao tốc Bắc - Nam, đường tỉnh 516C, tuyen đường Hoàng Kim - Thiệu Long,...

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp; xác định quy mô, vị trí, công suất của các công trình đầu mối; mạng lưới truyền tải và phân phối chính của các hệ thống cấp nước, cấp điện; hạ tầng viễn thông thụ động; mạng lưới đường cống thoát nước; các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và các công trình khác.

e) Yêu cầu về thiết kế đô thị:

Nội dung thiết kế đô thị trong quy hoạch chung xây dựng đô thị được thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của bộ trưởng Bộ xây dựng.

f) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá các tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

g) Xác định các chương trình dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

Xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu và các giai đoạn tiếp theo; Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho khu vực đô thị với yêu cầu là các dự án mang ý nghĩa tạo động lực như phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị và du lịch; Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

h) Các yêu cầu khác:

Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đất đai; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Thủy lợi; Luật Lâm nghiệp,...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

a) Sản phẩm khảo sát địa hình: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 để phục vụ lập quy hoạch phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

b) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/10.000 – 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, viễn thông thụ động, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016).

c) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định được xác định theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ in màu vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

7. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Thiệu Hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Giao UBND huyện Thiệu Hóa căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan lấy ý kiến thống nhất: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan lập và trình duyệt hồ sơ quy hoạch: UBND huyện Thiệu Hóa.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H3.(2021)QDPD_NV QHC DT Giang Quang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm